

Bản án số: 03 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2018

“V/v tranh chấp Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Nga

Các hội thẩm nhân dân. Ông Nguyễn Ngọc Quân và Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hoàng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Hồng T**– sinh năm 1964;

ĐKKHKT: Thôn N, xã L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị B**- sinh năm 1969;

ĐKKHKT: Tổ 39, khu 4B1, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Phạm Hồng T trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị B vào năm 1989 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định vào ngày 01/10/1989. Trước khi kết hôn, hai người có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại tổ 52, khu 4, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng có thời gian sống hạnh phúc được khoảng 23 năm, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng đã có va chạm, xích mích, cãi cọ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do anh và chị B bất đồng quan điểm sống, nhất là trong vấn đề làm ăn kinh tế và gây dựng cuộc sống gia đình, chị B đã có những việc làm dẫn đến phá tán tài sản trong gia đình, anh phải đứng ra trả nợ. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, tổ dân khu phố tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay

anh và chị B không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng căng thẳng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị B. Anh và chị B có 02 con chung Phạm Tuấn A – sinh năm 1989; Phạm Đức A – sinh năm 1997. Hiện các con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung anh có quan điểm anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 17/7/2017, biên bản hòa giải ngày 31/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị B thể hiện quan điểm như sau: Chị B xác nhận về hoàn cảnh kết hôn giữa chị và anh T cũng như tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày. Theo chị B nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do hai người không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, ngoài ra anh T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị xác định tình cảm giành cho anh T không còn nữa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị đồng ý. Chị và anh T có hai con chung là Phạm Tuấn A – sinh năm 1989; Phạm Đức A – sinh năm 1997. Hiện các con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị B có quan điểm về tài sản là nhà, đất chị và anh T để lại cho các con, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia khoản nợ chung và khoản tiền kinh tế gia đình là khoản tiền thu nhập chung của hai vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hướng dẫn chị B thực hiện quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung trong vụ án, thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 31/8/2017, chị B không thực hiện theo hướng dẫn và không có mặt tại các phiên hòa giải do Tòa án triệu tập tiếp sau đó, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Mặt khác Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị B. Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T chị B đã được tổ dân khu phố hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn đã kéo dài, hai người đã sống ly thân khoảng 05 năm nay, anh T đã chuyển về quê tại Nam Định sinh sống không còn sinh sống tại nhà tổ 43, khu 4B1, phường C thành phố Cẩm Phả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Hồng T trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập ngày 24/11/2017, vắng mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70; điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Hồng T, không có căn cứ thụ lý yêu cầu giải quyết về tài sản của chị Hoàng Thị B, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hoàng Thị B có nơi cư trú tại phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Hồng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hoàng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Hồng T và chị Hoàng Thị B được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh T và chị B đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo anh Tiến trình bày là do hai vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống: Việc nuôi dạy con cái, xây dựng kinh tế gia đình; theo chị Bích trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh T ngoại tình. Anh T chị B cùng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân thời gian dài và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo anh T chị B trình bày có sự khác nhau nhưng đều xác định tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài và không hòa giải được. Mặt khác, theo quan điểm của anh T, chị B cũng như kết quả xác minh của Tòa án thì trên thực tế anh T và chị B không còn tồn tại cuộc sống chung trong thời gian dài. Đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Tiến và chị Bích mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn của anh Phạm Hồng T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Hồng T và chị Hoàng Thị B có 02 con chung Phạm Tuấn A – sinh năm 1989; Phạm Đức A – sinh năm 1997. Hiện các con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Hồng T có quan điểm anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hướng dẫn chị B thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của luật tố tụng dân sự nhưng chị B không thực hiện. Ngoài ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B, sau phiên hòa giải ngày 31/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiếp tục ra thông báo Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 23/10/2017 và 24/11/2017 để chị B

thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không có căn cứ thụ lý yêu cầu về tài sản chung và công nợ chung của chị B, còn anh T là nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của anh chị T, B trong vụ án này. Anh T và chị B có quyền khởi kiện chia tài sản chung và công nợ chung trong vụ án khác khi không thỏa thuận được.

[5] Về án phí: Anh Phạm Hồng T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Phạm Hồng T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Hồng T và chị Hoàng Thị B.

2. Về con chung: Anh Phạm Hồng T và chị Hoàng Thị B có hai con chung là Phạm Tuấn A – sinh năm 1989; Phạm Đức A – sinh năm 1997, các con đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần, nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009482 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Nguyên đơn anh Phạm Hồng T có mặt tại phiên tòa, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa, chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Minh Nga